

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố "Thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới" trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2017 - 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 287-QĐ/TU ngày 27/5/2016 của Tỉnh ủy Thanh Hóa về ban hành Chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1415/2017/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2017 - 2020;

Xét đề nghị của Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh tại Tờ trình số 130/TTr-VPĐP ngày 29/5/2017; Văn bản thẩm định số 185/BCTĐ-STP ngày 26/5/2017 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố "Thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới" trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2017 - 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/7/2017 và thay thế Quyết định số 717/2014/QĐ-UBND ngày 17/3/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, các xã; Trưởng các thôn, bản; các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 QĐ;
- BCĐ Trung ương (để báo cáo);
- Bộ NN&PTNT (để báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- T. trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh (để báo cáo);
- Thành viên BCĐ tỉnh;
- Lưu: VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố
"Thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới" trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa,**

giai đoạn 2017 - 2020

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1332/2017/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố "Thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới".

2. Đối tượng áp dụng:

2.1. Các thôn, bản trên địa bàn tỉnh đã được cấp có thẩm quyền công nhận, có tổ chức, hoạt động theo quy định của pháp luật và thuộc xã thực hiện xây dựng nông thôn mới (NTM). Thôn, bản được phân thành 02 vùng:

- Vùng 1: Thôn, bản thuộc các xã của huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ; thôn, bản thuộc các xã miền núi khu vực III và thôn, bản đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

- Vùng 2: Các thôn, bản còn lại.

2.2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục xét, công nhận và công bố "Thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới".

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc xét, công nhận, công bố thôn, bản đạt chuẩn NTM phải được thực hiện thường xuyên, liên tục hàng năm, đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ, minh bạch; tránh hình thức, chạy theo thành tích; đúng điều kiện, trình tự, thủ tục và phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Các thôn, bản sau khi được công nhận đạt chuẩn NTM thì tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí và tiến hành xây dựng thôn, bản NTM kiểu mẫu.

Điều 3. Thẩm quyền xét, công nhận và công bố

Chủ tịch UBND cấp huyện xét, công nhận và công bố thôn, bản đạt chuẩn NTM.

Điều 4. Điều kiện xét, công nhận

Thôn, bản đạt chuẩn NTM phải đảm bảo các điều kiện:

- Có đăng ký thôn, bản đạt chuẩn NTM, được UBND xã, UBND cấp huyện đưa vào kế hoạch thực hiện;

- Có 100% tiêu chí thực hiện trên địa bàn thôn, bản đạt chuẩn theo quy định.

CHƯƠNG II TIÊU CHÍ THÔN, BẢN NÔNG THÔN MỚI

Điều 5. Tiêu chí thôn, bản nông thôn mới:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu theo Vùng	
			Vùng 1	Vùng 2
1	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động.	≥ 93%	≥ 93%
2	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người của thôn, bản (triệu đồng/người).	Năm 2017: 26 Năm 2018: 30 Năm 2019: 33 Năm 2020: 36	Năm 2017: 29 Năm 2018: 34 Năm 2019: 40 Năm 2020: 46
3	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều.	< 7%	< 5%
4	Nhà ở dân cư và vườn hộ	4.1. Trên địa bàn thôn, bản không còn hộ gia đình ở trong nhà tạm, dột nát.	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ xây dựng.	≥ 80%	100%
		4.3. Đồ đạc căn hộ mỗi gia đình được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, khoa học.	Đạt	Đạt
		4.4. Vườn hộ mỗi gia đình (nếu có) được thiết kế gọn gàng, khoa học đảm bảo vệ sinh môi trường.	Đạt	Đạt
5	Giao thông	5.1. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa, chiều rộng nền đường tối thiểu 4,0m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0m (trường hợp bất khả kháng nền đường tối thiểu 3,0m, mặt đường tối thiểu 2,0m) và có rãnh tiêu thoát nước mặt đường, rãnh dọc tiêu thoát nước sinh hoạt khu dân cư có nắp đậy.	100% (≥50% bê tông hóa)	100% (≥70% bê tông hóa)
		5.2. Đường trục chính nội đồng (nếu có) đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm, chiều rộng nền đường tối thiểu 4,0m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0m.	100% (≥50% cứng hóa)	100% (≥60% cứng hóa)
6	Giáo dục và Đào tạo	6.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2 và đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 trở lên.	Đạt	Đạt

		6.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông, bổ túc trung học phổ thông và học nghề.	≥ 85%	≥ 95%
		6.3. Có phong trào khuyến học, khuyến tài, học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập tốt được công nhận là “Cộng đồng học tập” do UBND xã ký Quyết định công nhận và được Hội Khuyến học cấp huyện tặng giấy khen.	Đạt	Đạt
		6.4. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo.	> 40%	> 70%
7	Y tế	7.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.	≥ 90%	≥ 85%
		7.2. Có nhân viên y tế thôn, bản được đào tạo theo Chương trình do Bộ y tế quy định.	Đạt	Đạt
		7.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi).	≤ 26,7%	≤ 24,2%
		7.4. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hàng năm.	< 0,65%	< 0,65%
		7.5. Tỷ lệ phụ nữ sinh con thứ 3 trở lên	< 15%	< 10%
		7.6. Có triển khai hoặc phối hợp, tham gia triển khai các biện pháp nhằm giảm mất cân bằng giới tính khi sinh.	Đạt	Đạt
8	Văn hóa	8.1. Có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, khu thể thao phục vụ cộng đồng đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Đạt	Đạt
		8.2. Hàng rào của Nhà văn hoá, khu thể thao thôn bằng cây xanh hoặc hàng rào khác được phủ cây xanh (riêng năm 2017, khuyến khích các thôn, bản thực hiện nội dung này).	Năm 2018 ≥ 50%; Năm 2019 ≥ 60%; Năm 2020 ≥ 80%	Năm 2018 ≥ 40%; Năm 2019 ≥ 50%; Năm 2020 ≥ 70%
		8.3. Được công nhận và giữ vững danh hiệu “Thôn/bản văn hóa” theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Đạt	Đạt
9	Môi trường và an toàn thực phẩm	9.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định.	90% (≥50% nước sạch)	98% (≥ 60% nước sạch)
		9.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.	100%	100%
		9.3. Đường làng, ngõ xóm, cảnh quan nơi ở từng hộ xanh - sạch - đẹp, không có hoạt động làm suy giảm môi trường.	Đạt	Đạt

		9.4. Mai táng phù hợp với quy định tại Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng và đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định của Bộ Y tế; Việc mai táng được thực hiện tại vị trí xác định theo quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt.	Đạt	Đạt
		9.5. Chất thải rắn sản xuất và sinh hoạt trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định về bảo vệ môi trường.	Đạt	Đạt
		9.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch theo quy định.	≥ 80%	≥ 90%
		9.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.	≥ 60%	≥ 70%
		9.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.	100%	100%
10	Thủy lợi	Hệ thống thủy lợi liên quan đến thôn, bản cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất, dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.	Đạt	Đạt
11	Điện	Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn theo quy định của Bộ Công Thương.	≥ 98%	100%
12	Thông tin và truyền thông	12.1. Có dịch vụ viễn thông, internet theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.	Đạt	Đạt
		12.2. Có hệ thống loa kết nối với Đài truyền thanh xã đang sử dụng tốt.	Đạt	Đạt
13	Hệ thống chính trị	13.1. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	Đạt
		13.2. Chi bộ đạt danh hiệu "trong sạch, vững mạnh".	Đạt	Đạt
		13.3. Các tổ chức đoàn thể đều đạt loại khá trở lên.	Đạt	Đạt
		13.4. 100% người dân thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng, có tinh thần đoàn kết, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng.	Đạt	Đạt
		13.5. Chi bộ có Nghị quyết chuyên đề về xây dựng thôn, bản NTM.	Đạt	Đạt

		13.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.	Đạt	Đạt
14	Quốc phòng và An ninh	14.1. Đảm bảo chỉ tiêu xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.	Đạt	Đạt
		14.2. Không có tổ chức, cá nhân hoạt động chống Đảng, chính quyền, phá hoại kinh tế, truyền đạo trái pháp luật, khiêu khích đồng người vượt cấp kéo dài.	Đạt	Đạt
		14.3. Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội và không phát sinh thêm người mắc các tệ nạn xã hội trên địa bàn; không để xảy ra trọng án.	Đạt	Đạt
		14.4. Được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo quy định tại Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27/4/2012 của Bộ Công an.	Đạt	Đạt

CHƯƠNG III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT, CÔNG NHẬN VÀ CÔNG BỐ THÔN, BẢN ĐẠT CHUẨN NTM

Điều 6. Đăng ký thôn, bản đạt chuẩn NTM

- Trước ngày 01/12 của năm liền kề trước năm đánh giá, Ban Phát triển thôn, bản có văn bản đăng ký phấn đấu đạt chuẩn NTM báo cáo UBND xã (theo mẫu số 01 tại phần Phụ Lục ban hành kèm quy định này) kèm theo phương án (đề án) xây dựng thôn, bản đạt chuẩn NTM (bản chính hoặc bản sao).

- UBND xã kiểm tra và có văn bản (theo mẫu số 02 tại phần Phụ lục ban hành kèm quy định này) đề nghị UBND cấp huyện đưa vào kế hoạch thực hiện đối với thôn, bản đạt từ 10 tiêu chí trở lên và có đủ điều kiện phấn đấu đạt chuẩn trong năm đăng ký.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được văn bản của UBND xã), UBND cấp huyện có văn bản trả lời UBND xã, Ban phát triển thôn, bản về kết quả đưa vào kế hoạch thực hiện thôn, bản đạt chuẩn NTM (nêu rõ lý do đối với thôn, bản chưa được đưa vào kế hoạch).

Điều 7: Trình tự, thủ tục xét và công nhận

1. Trình tự, thủ tục xét, công nhận, công bố thôn, bản đạt chuẩn NTM gồm các bước:

1.1. Ban Phát triển thôn, bản tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí thôn, bản NTM.

1.2. UBND xã tổ chức thẩm tra và hoàn thiện hồ sơ trình UBND cấp huyện đề nghị xét, công nhận thôn, bản đạt chuẩn NTM.

1.3. UBND cấp huyện tổ chức thẩm định, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định công nhận, công bố thôn, bản đạt chuẩn NTM.

2. Tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí thôn, bản NTM:

2.1. Tổ chức tự đánh giá:

Ban Phát triển thôn, bản tổ chức tự đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt chuẩn của từng tiêu chí thôn, bản NTM và báo cáo BCĐ, UBND xã.

2.2. Tổ chức lấy ý kiến:

- Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng thôn, bản NTM sẽ được thông báo, công khai tại Nhà văn hóa và trên hệ thống loa đài phát thanh thôn, bản trong thời gian 20 ngày để lấy ý kiến tham gia của người dân.

- Ban công tác mặt trận thôn, bản tổ chức họp thôn, bản để lấy ý kiến thống nhất của người dân về việc đề nghị xét, công nhận thôn, bản đạt chuẩn NTM, yêu cầu cuộc họp phải có từ 70% trở lên đại diện hộ dân trong thôn, bản tham dự, lập biên bản cuộc họp ghi rõ kết quả đại diện số hộ dân thống nhất hoặc không thống nhất (bằng hình thức biểu quyết hoặc bỏ phiếu) và các ý kiến tham gia khác nếu có.

2.3. Hoàn thiện hồ sơ:

- Ban Phát triển thôn, bản hoàn thiện báo cáo theo ý kiến tham gia của người dân và hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn khi ý kiến thống nhất của đại diện các hộ dân tại cuộc họp thôn do Ban công tác mặt trận thôn tổ chức đạt tỷ lệ 90% trở lên trình BCĐ, UBND xã.

- Hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn, gồm:

+ Văn bản đề nghị UBND xã thẩm tra các tiêu chí thôn, bản NTM (bản chính, theo mẫu 03 tại phần Phụ Lục ban hành kèm quy định này).

+ Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng NTM trên địa bàn thôn, bản (bản chính, theo mẫu 06 tại phần Phụ Lục ban hành kèm quy định này).

+ Biên bản họp thôn (theo mẫu 09 tại phần Phụ Lục ban hành kèm quy định này).

+ Quyết định phê duyệt của UBND xã kèm thuyết minh phương án (đề án) xây dựng thôn, bản NTM (bản sao).

+ Các văn bản chứng minh đánh giá đạt của tiêu chí thôn, bản NTM (có xác nhận của trưởng thôn).

3. Tổ chức thẩm tra, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn, bản đạt chuẩn NTM:

3.1. Tổ chức thẩm tra:

UBND xã thành lập Tổ thẩm tra (gồm lãnh đạo BCD xã, cán bộ phụ trách NTM, cán bộ phụ trách các lĩnh vực liên quan đến nội dung các tiêu chí và đại diện các tổ chức chính trị - xã hội của xã) để thẩm tra hồ sơ và thực tế mức độ đạt từng tiêu chí thôn, bản NTM; các thành viên theo lĩnh vực phụ trách có văn bản báo cáo kết quả thẩm tra gửi về bộ phận tổng hợp (là cán bộ phụ trách NTM) để tổng hợp, báo cáo BCD, UBND xã.

3.2. Tổ chức lấy ý kiến:

UBND xã tổng hợp danh sách các thôn, bản đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn NTM, công bố trên hệ thống truyền thanh trong thời gian 10 ngày để lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn xã.

3.3. Hoàn thiện hồ sơ:

- BCD xã tổ chức họp (gồm các thành viên BCD xã và Tổ thẩm tra tiêu chí thôn, bản NTM) để lấy ý kiến thống nhất danh sách thôn, bản được đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn NTM; UBND xã hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn, bản đạt chuẩn NTM khi số phiếu thống nhất tại cuộc họp đạt tỷ lệ 90% trở lên trình UBND cấp huyện.

- Hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn, bản đạt chuẩn NTM, gồm:

+ Tờ trình của UBND xã về việc đề nghị xét, công nhận thôn, bản đạt chuẩn NTM (bản chính, theo mẫu 04 tại phần Phụ Lục ban hành kèm quy định này).

+ Báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí thôn, bản NTM (bản chính, theo mẫu 07 tại phần Phụ Lục ban hành kèm quy định này).

+ Biên bản họp BCD xã (theo mẫu 10 tại phần Phụ Lục ban hành kèm quy định này).

(kèm theo hồ sơ của thôn, bản được quy định tại mục 2.3, khoản 2, Điều 7 của Quy định này).

4. Tổ chức thẩm định, công nhận thôn, bản đạt chuẩn NTM:

4.1. Tổ chức thẩm định:

UBND cấp huyện thành lập Đoàn thẩm định thôn, bản đạt chuẩn NTM (gồm đại diện lãnh đạo Văn phòng Điều phối NTM cấp huyện và các thành viên là đại diện lãnh đạo các đơn vị chuyên môn cấp huyện được giao phụ trách các tiêu chí NTM) để thẩm định mức độ đạt từng tiêu chí NTM trên địa bàn thôn, bản được đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn; các thành viên Đoàn thẩm định theo tiêu chí được giao phụ trách có văn bản báo cáo kết quả thẩm định gửi về Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng NTM cấp huyện tổng hợp, xây dựng báo cáo kết quả thẩm định để báo cáo BCD, UBND cấp huyện.

4.2. Tổ chức xét, công nhận

BCĐ cấp huyện tổ chức họp (gồm thành viên BCĐ, Đoàn thẩm định cấp huyện, Văn phòng Điều phối NTM cấp huyện) để thảo luận, bỏ phiếu lấy ý kiến thống nhất việc đề nghị công nhận thôn, bản đạt chuẩn NTM cho từng thôn, bản (cuộc họp chỉ được tiến hành khi có 90% trở lên số thành viên được mời dự họp có mặt), Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng NTM cấp huyện hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận thôn, bản đạt chuẩn NTM để trình Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định khi số phiếu thống nhất đạt tỷ lệ 90% trở lên.

4.3. Hồ sơ trình Chủ tịch UBND cấp huyện đề nghị công nhận thôn, bản đạt chuẩn NTM, gồm:

- Tờ trình của Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng NTM cấp huyện về việc đề nghị công nhận thôn, bản đạt chuẩn NTM (bản chính, theo mẫu 05 tại phần Phụ Lục).

- Biên bản họp xét, công nhận thôn, bản đạt chuẩn NTM của BCĐ cấp huyện (bản chính, theo mẫu 11 tại phần Phụ Lục).

- Báo cáo thẩm định hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí thôn, bản NTM (bản chính, theo mẫu 08 tại phần Phụ Lục).

(kèm theo hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn, bản đạt chuẩn NTM của UBND xã được quy định tại mục 3.3, khoản 3, Điều 7 của Quy định này).

Điều 8. Tổ chức công bố

- Chủ tịch UBND cấp huyện công bố thôn, bản đạt chuẩn NTM và công khai trên đài phát thanh, trang thông tin điện tử của huyện.

- Lễ công bố thôn, bản đạt chuẩn NTM do UBND xã thực hiện trên địa bàn thôn, bản được công nhận, đảm bảo trang trọng, tiết kiệm, không phô trương. Thời hạn tổ chức công bố thôn, bản đạt chuẩn NTM là 60 ngày, kể từ ngày quyết định công nhận.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng NTM tỉnh chủ trì:

- Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện các tiêu chí thôn, bản NTM; chỉ đạo, kiểm tra và tổng hợp báo cáo BCĐ, UBND tỉnh kết quả thực hiện tiêu chí thôn, bản NTM.

- Phối hợp với BCĐ, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các xã chỉ đạo, hướng dẫn thôn, bản thực hiện tiêu chí NTM và trình tự, thủ tục xét, công nhận, công bố thôn, bản đạt chuẩn NTM theo quy định này.

- Tổng hợp trình Chủ tịch UBND tỉnh hỗ trợ các thôn, bản miền núi đạt chuẩn NTM theo cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng NTM của Tỉnh.

2. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Văn phòng Điều phối NTM tỉnh, BCĐ, UBND các huyện, thị xã thành phố:

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các địa phương hoàn thành các tiêu chí thôn, bản NTM theo Quy định này.

- Lồng ghép các chương trình, dự án để ưu tiên hỗ trợ các thôn, bản có đăng ký phân đấu đạt chuẩn NTM theo kế hoạch.

3. Trách nhiệm của BCĐ, UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp huyện, Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng NTM cấp huyện:

- BCĐ cấp huyện chỉ đạo toàn diện việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn; tăng cường việc kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các xã tổ chức triển khai thực hiện xây dựng thôn, bản NTM; phân công nhiệm vụ cho các ban, ngành thành viên phụ trách các thôn, bản trên địa bàn huyện; chịu trách nhiệm trước BCĐ, UBND tỉnh về kết quả thực hiện xây dựng thôn, bản NTM.

- UBND cấp huyện chịu trách nhiệm tổng hợp danh sách thôn, bản phân đấu đạt chuẩn NTM theo lộ trình; xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ cho các thôn, bản; định kỳ hàng năm báo cáo BCĐ, UBND tỉnh về kết quả thực hiện (qua Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng NTM tỉnh); phân công nhiệm vụ cho các phòng, ban chuyên môn (phụ trách tiêu chí NTM) có trách nhiệm phối hợp với Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng NTM cấp huyện hướng dẫn UBND các xã tổ chức thực hiện và tham gia thẩm định kết quả thực hiện các tiêu chí thôn, bản NTM.

- Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng NTM cấp huyện: Tham mưu cho Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định danh sách thôn, bản đăng ký phân đấu đạt chuẩn NTM và cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng thôn, bản NTM; phối hợp với các phòng, ban thuộc UBND cấp huyện, tham mưu cho BCĐ, UBND cấp huyện tổ chức thực hiện có hiệu quả việc xây dựng thôn, bản NTM trên địa bàn; tiếp nhận hồ sơ, phối hợp với các phòng, ban có liên quan hoàn thiện thủ tục, hồ sơ thẩm định, xét, công nhận đạt chuẩn trình Chủ tịch UBND huyện xem xét.

- Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định công nhận, công bố thôn, bản đạt chuẩn NTM và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về quyết định đó.

4. Trách nhiệm của BCĐ, UBND xã: Đăng ký danh sách thôn, bản phân đấu đạt chuẩn NTM với BCĐ, UBND cấp huyện; huy động các nguồn lực hỗ trợ thôn, bản xây dựng NTM; tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, rà soát, đánh giá việc thực hiện và thẩm tra mức độ đạt chuẩn tiêu chí NTM của các thôn, bản trên địa bàn.

5. Trách nhiệm của Ban Phát triển thôn, bản: Tổ chức họp dân để thống nhất đăng ký xây dựng thôn, bản đạt chuẩn NTM với UBND xã; xây dựng phương án và tổ chức triển khai thực hiện các tiêu chí NTM; báo cáo kết quả thực

hiện với BCD, UBND xã; tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí thôn, bản NTM.

6. Ban công tác mặt trận thôn: Tổ chức lấy ý kiến thống nhất của người dân đối với việc đề nghị xét, công nhận thôn, bản đạt chuẩn NTM.

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các địa phương có ý kiến gửi về Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng NTM tỉnh để tổng hợp, báo cáo BCD, UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

PHỤ LỤC
CÁC MẪU HỒ SƠ XÉT, CÔNG NHẬN THÔN, BẢN ĐẠT CHUẨN NTM
(Kèm theo Quy định tại Quyết định số ³⁹ 72017/QĐ-UBND ngày 06/7/2017
của UBND tỉnh Thanh Hóa

CÁC MẪU VĂN BẢN CHUNG

Mẫu số 01

ỦY BAN NHÂN DÂN
 XÃ
 THÔN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v đăng ký “Thônđạt chuẩn
 nông thôn mới” năm

....., ngày tháng năm 20....

Kính gửi: UBND xã

Căn cứ Quyết định số .../2017/QĐ-UBND ngày .../.../2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định về tiêu chí, trình tự thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố thôn, bản đạt chuẩn NTM trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND huyện);

Tính đến tháng năm ..., thôn đã có:

.../14 tiêu chí nông thôn mới đạt chuẩn theo quy định, gồm:

- Tiêu chí số về.....

- Tiêu chí số về.....

.....

.../14 tiêu chí đã đạt từ ... % đến ...%, gồm:

- Tiêu chí số về....., đạt% (nội dung chưa đạt:....., dự kiến thời gian hoàn thành.....).

- Tiêu chí số về....., đạt% (nội dung chưa đạt:....., dự kiến thời gian hoàn thành.....).

.....

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ và khả năng thực hiện hoàn thành các tiêu chí NTM trên địa bàn thôn, Ban Phát triển thôn đăng ký và cam kết thôn sẽ thực hiện hoàn thành các tiêu chí NTM theo quy định trong năm để được công nhận “Thôn đạt chuẩn NTM” năm

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân xã xem xét, báo cáo UBND huyệnđưa vào kế hoạch chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

-

TM. BAN PHÁT TRIỂN THÔN
TRƯỞNG BAN

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /UBND-...., ngày tháng năm
V/v đăng ký “Thôn đạt chuẩn
nông thôn mới” năm

Kính gửi: UBND huyện

Căn cứ Quyết định số .../2017/QĐ-UBND ngày .../.../2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định về tiêu chí, trình tự thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố thôn, bản đạt chuẩn NTM trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND huyện);

Căn cứ kết quả rà soát, đánh giá thực tế mức độ đạt chuẩn các tiêu chí NTM của Ban Phát triển NTM các thôn ...

Tính đến tháng năm ..., xã có thôn đã đạt chuẩn theo quy định từ ... đến tiêu chí NTM và có đủ điều kiện phấn đấu thôn đạt chuẩn NTM trong năm gồm:

Thôn.....đạt/ (tổng số) tiêu chí, đạt%;

Thôn.....đạt/ (tổng số) tiêu chí, đạt%;

.....

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ và khả năng thực hiện hoàn thành các tiêu chí NTM trên địa bàn các thôn nêu trên, UBND xã đăng ký và cam kết thôn nêu trên sẽ thực hiện hoàn thành các tiêu chí NTM theo quy định trong năm để được công nhận “Thôn đạt chuẩn NTM” năm

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân huyện xem xét, đưa vào kế hoạch chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT.

TM. UBND XÃ

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03

ỦY BAN NHÂN DÂN
 XÃ
 THÔN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v đề nghị thẩm tra các tiêu
 chí thôn NTM

....., ngày tháng năm 20....

Kính gửi: UBND xã.....

Căn cứ Quyết định số .../2017/QĐ-UBND ngày .../.../2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định về tiêu chí, trình tự thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố thôn, bản đạt chuẩn NTM trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND huyện);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND xã);

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... của UBND xã ... về phê duyệt Đề án (Phương án) xây dựng NTM thôn và Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng NTM ngày ... của thôn....

Căn cứ kết quả tự đánh giá thực tế mức độ đạt chuẩn của các tiêu chí NTM trên địa bàn thôn...

Căn cứ Biên bản họp thôn ngày/...../20..... của thôn... và kết quả lấy phiếu xét đánh giá sự hài lòng của người dân trên địa bàn thôn đối với việc đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn NTM năm ...,

Ban Phát triển thôn đề nghị UBND xã thẩm tra kết quả xây dựng NTM trên địa bàn thôn ... để làm căn cứ thực hiện hồ sơ đề nghị UBND huyệnxét, công nhận thôn đạt chuẩn NTM năm

Hồ sơ gửi kèm văn bản, gồm:

- Văn bản đề nghị UBND xã thẩm tra các tiêu chí thôn, bản NTM.

- Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng NTM trên địa bàn thôn, bản.

- Biên bản họp thôn.

- Quyết định phê duyệt của UBND xã kèm thuyết minh phương án (đề án) xây dựng thôn NTM.

- Các văn bản chứng minh đánh giá đạt của tiêu chí thôn NTM.

Kính đề nghị UBND xã xem xét, thẩm tra./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-;

-;

TM. BAN PHÁT TRIỂN THÔN
TRƯỞNG BAN

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 04

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TTTr-UBND

....., ngày tháng năm 20....

TỜ TRÌNHVề việc thẩm định, xét, công nhận thôn
đạt chuẩn nông thôn mới năm

Kính gửi: UBND huyện

Căn cứ Quyết định số .../2017/QĐ-UBND ngày .../.../2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định về tiêu chí, trình tự thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND huyện);

Căn cứ Biên bản thẩm tra các tiêu chí NTM trên địa bàn thôn của Đoàn thẩm tra tiêu chí thôn NTM;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày/...../20.... của BCĐ xã về việc đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn NTM;

Xét đề nghị của Ban Phát triển thôn về việc đề nghị xét, công nhận thôn ... đạt chuẩn NTM năm

UBND xã kính trình UBND huyện..... thẩm định, xét, công nhận thôn đạt chuẩn NTM năm

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

- Tờ trình của UBND xã về việc đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn NTM.

- Báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí thôn NTM.

- Biên bản họp BCĐ xã.

- Hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn NTM của thôn.....

Kính đề nghị UBND huyện xem xét, thẩm định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
-
- Lưu: VT,

TM. UBND XÃ

CHỦ TỊCH*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 05
 ỦY BAN NHÂN DÂN
 HUYỆN.....
 VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI NTM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TTTr-VPĐP

....., ngày tháng năm 20....

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị công nhận thôn
 đạt chuẩn nông thôn mới năm

Kính gửi: Chủ tịch UBND huyện

Căn cứ Quyết định số .../2017/QĐ-UBND ngày .../.../2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định về tiêu chí, trình tự thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố thôn, bản đạt chuẩn NTM trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND huyện);

Căn cứ Báo cáo số/BC-ĐTĐ ngày .../.../20... của Đoàn thẩm định, công nhận thôn đạt chuẩn NTM về thẩm định hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí NTM cho thôn

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày/...../20... của BCĐ huyện về việc đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn NTM;

Xét đề nghị của UBND xã tại Tờ trình số .../TTTr-UBND ngày ... về việc thẩm định, xét, công nhận thôn ... đạt chuẩn NTM năm ...,

Văn phòng Điều phối NTM huyện kính trình Chủ tịch UBND huyện xem xét, công nhận thôn đạt chuẩn NTM năm

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

- Báo cáo thẩm định hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí NTM của thôn.....

- Biên bản họp xét, công nhận thôn đạt chuẩn NTM của BCĐ huyện

- Hồ sơ đề nghị thẩm định, xét, công nhận thôn đạt chuẩn NTM của UBND xã.....

Kính đề nghị Chủ tịch UBND huyện xem xét, quyết định thôn ... đạt chuẩn NTM năm .../.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
-
- Lưu: VT,

CHÁNH VĂN PHÒNG

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 06

ỦY BAN NHÂN DÂN
 XÃ
 THÔN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO

Kết quả xây dựng nông thôn mới năm
 của thôn.....

I. Đặc điểm tình hình chung

1. Nêu tóm tắt về Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của thôn
2. Thuận lợi
3. Khó khăn

II. Căn cứ triển khai thực hiện

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của tỉnh, huyện, xã.

III. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng nông thôn mới

1. Về công tác tổ chức, triển khai
2. Về công tác thông tin, tuyên truyền và tham gia tập huấn
3. Về Phát triển kinh tế - xã hội
 - a) Phát triển sản xuất nông nghiệp.
 - b) Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề nông

thôn.

c) Xây dựng cơ sở hạ tầng.

4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới

Tổng kinh phí đã thực hiện: triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách cấp trên hỗ trợ: triệu đồng, chiếm%;
- Nhân dân đóng góp triệu đồng, chiếm %.

IV. Kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định là/ (tổng số) tiêu chí, đạt %, cụ thể

1. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:.....
- Các nội dung đã thực hiện:.....
- Khối lượng thực hiện:
- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

2. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:.....
- Các nội dung đã thực hiện:.....
- Khối lượng thực hiện:
- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

n. Tiêu chí số về

V. Đánh giá chung

1. Những mặt đã làm được
2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân
3. Bài học kinh nghiệm

VI. Kế hoạch duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới

1. Quan điểm
2. Mục tiêu
3. Nội dung duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới

VII. Kiến nghị, đề xuất

Nơi nhận:

- Như trên;
-
-

TM. BAN PHÁT TRIỂN THÔN

TRƯỞNG BAN

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI

Thôn, xã, huyện

(Kèm theo Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới năm thôn))

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu theo Vùng		Kết quả thực hiện đến	Kết quả tự đánh giá
			Vùng 1	Vùng 2		
1	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động.	≥ 93%	≥ 93%		
2	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người của thôn, bản (triệu đồng/người).	Năm 2017: 26 Năm 2018: 30 Năm 2019: 33 Năm 2020: 36	Năm 2017: 29 Năm 2018: 34 Năm 2019: 40 Năm 2020: 46		
3	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều.	< 7%	< 5%		
4	Nhà ở dân cư và vườn hộ	4.1. Trên địa bàn thôn, bản không còn hộ gia đình ở trong nhà tạm, dột nát.	Đạt	Đạt		
		4.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ xây dựng.	≥ 80%	100%		
		4.3. Đồ đạc căn hộ mỗi gia đình được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, khoa học.	Đạt	Đạt		
		4.4. Vườn hộ mỗi gia đình (nếu có) được thiết kế gọn gàng, khoa học đảm bảo vệ sinh môi trường.	Đạt	Đạt		

5	Giao thông	5.1. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa, chiều rộng nền đường tối thiểu 4,0m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0m (trường hợp bất khả kháng nền đường tối thiểu 3,0m, mặt đường tối thiểu 2,0m) và có rãnh tiêu thoát nước mặt đường, rãnh dọc tiêu thoát nước sinh hoạt khu dân cư có nắp đậy.	100% ($\geq 50\%$ bê tông hóa)	100% ($\geq 70\%$ bê tông hóa)		
		5.2. Đường trục chính nội đồng (nếu có) đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm, chiều rộng nền đường tối thiểu 4,0m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0m.	100% ($\geq 50\%$ cứng hóa)	100% ($\geq 60\%$ cứng hóa)		
6	Giáo dục và Đào tạo	6.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2 và đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 trở lên.	Đạt	Đạt		
		6.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông, bổ túc trung học phổ thông và học nghề.	$\geq 85\%$	$\geq 95\%$		
		6.3. Có phong trào khuyến học, khuyến tài, học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập tốt được công nhận là "Cộng đồng học tập" do UBND xã ký Quyết định công nhận và được Hội Khuyến học cấp huyện tặng giấy khen.	Đạt	Đạt		
		6.4. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo.	$> 40\%$	$> 70\%$		
7	Y tế	7.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.	$\geq 90\%$	$\geq 85\%$		
		7.2. Có nhân viên y tế thôn, bản được đào tạo theo Chương trình do Bộ y tế quy định.	Đạt	Đạt		
		7.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi).	$\leq 26,7\%$	$\leq 24,2\%$		
		7.4. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hàng năm.	$< 0,65\%$	$< 0,65\%$		
		7.5. Tỷ lệ phụ nữ sinh con thứ 3 trở lên	$< 15\%$	$< 10\%$		
		7.6. Có triển khai hoặc phối hợp, tham gia triển khai các biện pháp nhằm giảm mất cân bằng giới tính khi sinh.	Đạt	Đạt		
8	Văn hóa	8.1. Có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, khu thể thao phục vụ cộng đồng đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Đạt	Đạt		
		8.2. Hàng rào của Nhà văn hoá, khu thể thao thôn bằng cây xanh hoặc hàng rào khác được phủ cây xanh (riêng năm 2017, khuyến khích các thôn, bản thực hiện nội dung này).	Năm 2018 $\geq 50\%$; Năm 2019 $\geq 60\%$; Năm 2020 $\geq 80\%$	Năm 2018 $\geq 40\%$; Năm 2019 $\geq 50\%$; Năm 2020 $\geq 70\%$		

		8.3. Được công nhận và giữ vững danh hiệu “Thôn/bản văn hóa” theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Đạt	Đạt		
9	Môi trường và an toàn thực phẩm	9.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định.	90% ($\geq 50\%$ nước sạch)	98% ($\geq 60\%$ nước sạch)		
		9.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.	100%	100%		
		9.3. Đường làng, ngõ xóm, cảnh quan nơi ở từng hộ xanh - sạch - đẹp, không có hoạt động làm suy giảm môi trường.	Đạt	Đạt		
		9.4. Mai táng phù hợp với quy định tại Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng và đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định của Bộ Y tế; Việc mai táng được thực hiện tại vị trí xác định theo quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt.	Đạt	Đạt		
		9.5. Chất thải rắn sản xuất và sinh hoạt trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định về bảo vệ môi trường.	Đạt	Đạt		
		9.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch theo quy định.	$\geq 80\%$	$\geq 90\%$		
		9.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.	$\geq 60\%$	$\geq 70\%$		
		9.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.	100%	100%		
10	Thủy lợi	Hệ thống thủy lợi liên quan đến thôn, bản cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất, dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.	Đạt	Đạt		
11	Điện	Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn theo quy định của Bộ Công Thương.	$\geq 98\%$	100%		
12	Thông tin và truyền thông	12.1. Có dịch vụ viễn thông, internet theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.	Đạt	Đạt		
		12.2. Có hệ thống loa kết nối với Đài truyền thanh xã đang sử dụng tốt.	Đạt	Đạt		

13	Hệ thống chính trị	13.1. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	Đạt		
		13.2. Chi bộ đạt danh hiệu "trong sạch, vững mạnh".	Đạt	Đạt		
		13.3. Các tổ chức đoàn thể đều đạt loại khá trở lên.	Đạt	Đạt		
		13.4. 100% người dân thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng, có tinh thần đoàn kết, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng.	Đạt	Đạt		
		13.5. Chi bộ có Nghị quyết chuyên đề về xây dựng thôn, bản NTM.	Đạt	Đạt		
		13.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.	Đạt	Đạt		
14	Quốc phòng và An ninh	14.1. Đảm bảo chỉ tiêu xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.	Đạt	Đạt		
		14.2. Không có tổ chức, cá nhân hoạt động chống Đảng, chính quyền, phá hoại kinh tế, truyền đạo trái pháp luật, khiếu kiện đông người vượt cấp kéo dài.	Đạt	Đạt		
		14.3. Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội và không phát sinh thêm người mắc các tệ nạn xã hội trên địa bàn; không để xảy ra trọng án.	Đạt	Đạt		
		14.4. Được công nhận đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự" theo quy định tại Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27/4/2012 của Bộ Công an.	Đạt	Đạt		

Mẫu số 07

ỦY BAN NHÂN DÂN
 XÃ
 TỔ THẨM TRA TIÊU CHÍ
 THÔN NÔNG THÔN MỚI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn
 Và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới
 của thôn

Căn cứ Quyết định số/2017/QĐ-UBND ngày/..../2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định về tiêu chí, trình tự thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố thôn, bản đạt chuẩn NTM trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND huyện);

Căn cứ đề nghị của Ban Phát triển thôn về việc đề nghị xét, công nhận thôn ... đạt chuẩn NTM năm

Căn cứ kết quả thẩm tra hồ sơ và đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí NTM trên địa bàn thôn, Tổ thẩm tra tiêu chí thôn đạt chuẩn NTM xã báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí NTM cho thôn cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....).

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

2.1. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

.....

- Các nội dung đã thực hiện:

.....

- Khối lượng thực hiện:

.....

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

2. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

.....

- Các nội dung đã thực hiện:

.....

- Khối lượng thực hiện:

.....

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả
thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

n. Tiêu chí số về

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

- Tổng số tiêu chí NTM của thôn đã được UBND xã
..... thẩm tra đạt chuẩn NTM tính đến thời điểm thẩm tra là:/14 tiêu
chí, đạt%.

-

(Kèm theo biểu kết quả thẩm tra các tiêu chí NTM của thôn)

III. KIẾN NGHỊ

Nơi nhận:

-

-

TM. TỔ THẨM TRA

TỔ TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI

Thôn, xã, huyện

(Kèm theo Biên bản thẩm tra kết quả xây dựng NTM năm thôn

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu theo Vùng		Mức độ đạt chuẩn khi bắt đầu triển khai	Kết quả theo báo cáo của thôn	Kết quả thẩm tra
			Vùng 1	Vùng 2			
1	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động.	≥ 93%	≥ 93%			
2	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người của thôn, bản (triệu đồng/người).	Năm 2017: 26 Năm 2018: 30 Năm 2019: 33 Năm 2020: 36	Năm 2017: 29 Năm 2018: 34 Năm 2019: 40 Năm 2020: 46			
3	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều.	< 7%	< 5%			
4	Nhà ở dân cư và vườn hộ	4.1. Trên địa bàn thôn, bản không còn hộ gia đình ở trong nhà tạm, dột nát.	Đạt	Đạt			
		4.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ xây dựng.	≥ 80%	100%			

		4.3. Đồ đạc căn hộ mỗi gia đình được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, khoa học.	Đạt	Đạt			
		4.4. Vườn hộ mỗi gia đình (nếu có) được thiết kế gọn gàng, khoa học đảm bảo vệ sinh môi trường.	Đạt	Đạt			
5	Giao thông	5.1. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa, chiều rộng nền đường tối thiểu 4,0m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0m (trường hợp bất khả kháng nền đường tối thiểu 3,0m, mặt đường tối thiểu 2,0m) và có rãnh tiêu thoát nước mặt đường, rãnh dọc tiêu thoát nước sinh hoạt khu dân cư có nắp đậy.	100% (≥50% bê tông hóa)	100% (≥70% bê tông hóa)			
		5.2. Đường trục chính nội đồng (nếu có) đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm, chiều rộng nền đường tối thiểu 4,0m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0m.	100% (≥50% cứng hóa)	100% (≥60% cứng hóa)			
6	Giáo dục và Đào tạo	6.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2 và đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 trở lên.	Đạt	Đạt			
		6.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông, bỏ túc trung học phổ thông và học nghề.	≥ 85%	≥ 95%			
		6.3. Có phong trào khuyến học, khuyến tài, học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập tốt được công nhận là "Cộng đồng học tập" do UBND xã ký Quyết định công nhận và được Hội Khuyến học cấp huyện tặng giấy khen.	Đạt	Đạt			
		6.4. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo.	> 40%	> 70%			
7	Y tế	7.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.	≥ 90%	≥ 85%			
		7.2. Có nhân viên y tế thôn, bản được đào tạo theo Chương trình do Bộ y tế quy định.	Đạt	Đạt			
		7.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi).	≤ 26,7%	≤ 24,2%			
		7.4. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hàng năm.	< 0,65%	< 0,65%			

		7.5. Tỷ lệ phụ nữ sinh con thứ 3 trở lên	< 15%	< 10%			
		7.6. Có triển khai hoặc phối hợp, tham gia triển khai các biện pháp nhằm giảm mất cân bằng giới tính khi sinh.	Đạt	Đạt			
8	Văn hóa	8.1. Có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, khu thể thao phục vụ cộng đồng đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Đạt	Đạt			
		8.2. Hàng rào của Nhà văn hoá, khu thể thao thôn bằng cây xanh hoặc hàng rào khác được phủ cây xanh (riêng năm 2017, khuyến khích các thôn, bản thực hiện nội dung này).	Năm 2018 ≥ 50%; Năm 2019 ≥ 60%; Năm 2020 ≥ 80%	Năm 2018 ≥ 40%; Năm 2019 ≥ 50%; Năm 2020 ≥ 70%			
		8.3. Được công nhận và giữ vững danh hiệu “Thôn/bản văn hóa” theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Đạt	Đạt			
9	Môi trường và an toàn thực phẩm	9.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định.	90% (≥50% nước sạch)	98% (≥ 60% nước sạch)			
		9.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.	100%	100%			
		9.3. Đường làng, ngõ xóm, cảnh quan nơi ở từng hộ xanh - sạch - đẹp, không có hoạt động làm suy giảm môi trường.	Đạt	Đạt			
		9.4. Mai táng phù hợp với quy định tại Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng và đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định của Bộ Y tế; Việc mai táng được thực hiện tại vị trí xác định theo quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt.	Đạt	Đạt			
		9.5. Chất thải rắn sản xuất và sinh hoạt trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định về bảo vệ môi trường.	Đạt	Đạt			

		9.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch theo quy định.	$\geq 80\%$	$\geq 90\%$			
		9.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.	$\geq 60\%$	$\geq 70\%$			
		9.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.	100%	100%			
10	Thủy lợi	Hệ thống thủy lợi liên quan đến thôn, bản cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất, dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.	Đạt	Đạt			
11	Điện	Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn theo quy định của Bộ Công Thương.	$\geq 98\%$	100%			
12	Thông tin và truyền thông	12.1. Có dịch vụ viễn thông, internet theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.	Đạt	Đạt			
		12.2. Có hệ thống loa kết nối với Đài truyền thanh xã đang sử dụng tốt.	Đạt	Đạt			
13	Hệ thống chính trị	13.1. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	Đạt			
		13.2. Chi bộ đạt danh hiệu "trong sạch, vững mạnh".	Đạt	Đạt			
		13.3. Các tổ chức đoàn thể đều đạt loại khá trở lên.	Đạt	Đạt			
		13.4. 100% người dân thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng, có tinh thần đoàn kết, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng.	Đạt	Đạt			
		13.5. Chi bộ có Nghị quyết chuyên đề về xây dựng thôn, bản NTM.	Đạt	Đạt			
		13.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.	Đạt	Đạt			

14	Quốc phòng và An ninh	14.1. Đảm bảo chỉ tiêu xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.	Đạt	Đạt			
		14.2. Không có tổ chức, cá nhân hoạt động chống Đảng, chính quyền, phá hoại kinh tế, truyền đạo trái pháp luật, khiếu kiện đông người vượt cấp kéo dài.	Đạt	Đạt			
		14.3. Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội và không phát sinh thêm người mắc các tệ nạn xã hội trên địa bàn; không để xảy ra trọng án.	Đạt	Đạt			
		14.4. Được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo quy định tại Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27/4/2012 của Bộ Công an.	Đạt	Đạt			

Mẫu số 08
 ỦY BAN NHÂN DÂN
 HUYỆN.....
 ĐOÀN THẨM ĐỊNH CÔNG NHẬN
 THÔN ĐẠT CHUẨN NTM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../BC-ĐTĐ

....., ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO

Về việc thẩm định hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn
 Và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới
 của thôn

Căn cứ Quyết định số .../2017/QĐ-UBND ngày .../.../2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định về tiêu chí, trình tự thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố thôn, bản đạt chuẩn NTM trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND huyện);

Căn cứ đề nghị của UBND xãtại Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... về việc thẩm định, xét, công nhận thôn ... đạt chuẩn NTM năm ...,

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ và đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí NTM trên địa bàn thôn, Đoàn thẩm định, công nhận thôn đạt chuẩn NTM huyện báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ và thực hiện các tiêu chí NTM cho thôn cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

Thời gian thẩm định (từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....).

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

2.1. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

.....

- Các nội dung đã thực hiện:

.....

- Khối lượng thực hiện:

.....

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thẩm định so với yêu cầu của tiêu chí).

2. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

.....

- Các nội dung đã thực hiện:

- Khối lượng thực hiện:

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thẩm định so với yêu cầu của tiêu chí).

n. Tiêu chí số về

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

- Tổng số tiêu chí NTM của thôn đã được UBND huyện thẩm định đạt chuẩn NTM tính đến thời điểm thẩm định là:/14 tiêu chí, đạt%.

(Kèm theo biểu kết quả thẩm định các tiêu chí NTM của thôn)

III. KIẾN NGHỊ

Nơi nhận:

-

-

TM. ĐOÀN THẨM ĐỊNH

TRƯỞNG ĐOÀN

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI

của thôn, xã huyện

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-ĐTĐ ngày / /20.... của Đoàn thẩm định, công nhận thôn đạt chuẩn NTM huyện

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu theo Vùng		Kết quả tự đánh giá của thôn	Kết quả thẩm tra của xã	Kết quả thẩm định
			Vùng 1	Vùng 2			
1	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động.	≥ 93%	≥ 93%			
2	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người của thôn, bản (triệu đồng/người).	Năm 2017: 26 Năm 2018: 30 Năm 2019: 33 Năm 2020: 36	Năm 2017: 29 Năm 2018: 34 Năm 2019: 40 Năm 2020: 46			
3	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều.	< 7%	< 5%			
4	Nhà ở dân cư và vườn hộ	4.1. Trên địa bàn thôn, bản không còn hộ gia đình ở trong nhà tạm, dột nát.					

		4.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ xây dựng.	$\geq 80\%$	100%			
		4.3. Đồ đạc căn hộ mỗi gia đình được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, khoa học.	Đạt	Đạt			
		4.4. Vườn hộ mỗi gia đình (nếu có) được thiết kế gọn gàng, khoa học đảm bảo vệ sinh môi trường.	Đạt	Đạt			
5	Giao thông	5.1. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa, chiều rộng nền đường tối thiểu 4,0m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0m (trường hợp bất khả kháng nền đường tối thiểu 3,0m, mặt đường tối thiểu 2,0m) và có rãnh tiêu thoát nước mặt đường, rãnh dọc tiêu thoát nước sinh hoạt khu dân cư có nắp đậy.	100% ($\geq 50\%$ bê tông hóa)	100% ($\geq 70\%$ bê tông hóa)			
		5.2. Đường trục chính nội đồng (nếu có) đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm, chiều rộng nền đường tối thiểu 4,0m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0m.	100% ($\geq 50\%$ cứng hóa)	100% ($\geq 60\%$ cứng hóa)			
6	Giáo dục và Đào tạo	6.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2 và đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 trở lên.	Đạt	Đạt			
		6.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông, bổ túc trung học phổ thông và học nghề.	$\geq 85\%$	$\geq 95\%$			
		6.3. Có phong trào khuyến học, khuyến tài, học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập tốt được công nhận là "Cộng đồng học tập" do UBND xã ký Quyết định công nhận và được Hội Khuyến học cấp huyện tặng giấy khen.	Đạt	Đạt			
		6.4. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo.	$> 40\%$	$> 70\%$			
7	Y tế	7.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.	$\geq 90\%$	$\geq 85\%$			
		7.2. Có nhân viên y tế thôn, bản được đào tạo theo Chương trình do Bộ y tế quy định.	Đạt	Đạt			
		7.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi).	$\leq 26,7\%$	$\leq 24,2\%$			

		7.4. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hàng năm.	< 0,65%	< 0,65%			
		7.5. Tỷ lệ phụ nữ sinh con thứ 3 trở lên	< 15%	< 10%			
		7.6. Có triển khai hoặc phối hợp, tham gia triển khai các biện pháp nhằm giảm mất cân bằng giới tính khi sinh.	Đạt	Đạt			
8	Văn hóa	8.1. Có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, khu thể thao phục vụ cộng đồng đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Đạt	Đạt			
		8.2. Hàng rào của Nhà văn hoá, khu thể thao thôn bằng cây xanh hoặc hàng rào khác được phủ cây xanh (riêng năm 2017, khuyến khích các thôn, bản thực hiện nội dung này).	Năm 2018 ≥ 50%; Năm 2019 ≥ 60%; Năm 2020 ≥ 80%	Năm 2018 ≥ 40%; Năm 2019 ≥ 50%; Năm 2020 ≥ 70%			
		8.3. Được công nhận và giữ vững danh hiệu “Thôn/bản văn hóa” theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Đạt	Đạt			
9	Môi trường và an toàn thực phẩm	9.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định.	90% (≥50% nước sạch)	98% (≥ 60% nước sạch)			
		9.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.	100%	100%			
		9.3. Đường làng, ngõ xóm, cảnh quan nơi ở từng hộ xanh - sạch - đẹp, không có hoạt động làm suy giảm môi trường.	Đạt	Đạt			
		9.4. Mai táng phù hợp với quy định tại Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng và đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định của Bộ Y tế; Việc mai táng được thực hiện tại vị trí xác định theo quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt.	Đạt	Đạt			
		9.5. Chất thải rắn sản xuất và sinh hoạt trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định về bảo vệ môi trường.	Đạt	Đạt			

		9.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch theo quy định.	$\geq 80\%$	$\geq 90\%$			
		9.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.	$\geq 60\%$	$\geq 70\%$			
		9.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.	100%	100%			
10	Thù lợi	Hệ thống thù lợi liên quan đến thôn, bản cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất, dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.	Đạt	Đạt			
11	Điện	Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn theo quy định của Bộ Công Thương.	$\geq 98\%$	100%			
12	Thông tin và truyền thông	12.1. Có dịch vụ viễn thông, internet theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.	Đạt	Đạt			
		12.2. Có hệ thống loa kết nối với Đài truyền thanh xã đang sử dụng tốt.	Đạt	Đạt			
13	Hệ thống chính trị	13.1. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	Đạt			
		13.2. Chi bộ đạt danh hiệu "trong sạch, vững mạnh".	Đạt	Đạt			
		13.3. Các tổ chức đoàn thể đều đạt loại khá trở lên.	Đạt	Đạt			
		13.4. 100% người dân thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng, có tinh thần đoàn kết, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng.	Đạt	Đạt			
		13.5. Chi bộ có Nghị quyết chuyên đề về xây dựng thôn, bản NTM.	Đạt	Đạt			
		13.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.	Đạt	Đạt			
14	Quốc phòng và An ninh	14.1. Đảm bảo chỉ tiêu xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.	Đạt	Đạt			

	14.2. Không có tổ chức, cá nhân hoạt động chống Đảng, chính quyền, phá hoại kinh tế, truyền đạo trái pháp luật, khiếu kiện đông người vượt cấp kéo dài.	Đạt	Đạt			
	14.3. Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội và không phát sinh thêm người mắc các tệ nạn xã hội trên địa bàn; không để xảy ra trọng án.	Đạt	Đạt			
	14.4. Được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo quy định tại Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27/4/2012 của Bộ Công an.	Đạt	Đạt			

Mẫu số 09:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Tên thôn), ngày ... tháng ... năm 20...

BIÊN BẢN
HỘI NGHỊ DÂN CƯ THÔN

Hôm nay, ngày ...tháng ... năm ...tại thôn ...xã ...Ban công tác mặt trận thôn tổ chức hội nghị dân cư để lấy ý kiến thống nhất về việc đề nghị xét, công nhận thôn...đạt chuẩn NTM năm..

- Chủ trì Hội nghị: (Trưởng Ban công tác mặt trận thôn ghi rõ họ, tên, chức danh):.....

- Thư ký Hội nghị: (ghi rõ họ, tên, chức danh)

- Thành phần tham gia:

1. Thành phần tham gia ý kiến: (Đại diện các hộ gia đình trong thôn).

2. Tổng số hộ gia đình trong thôn:hộ

3. Tổng số hộ có đại diện tham dự Hội nghị:...hộ, chiếm. ..% số hộ trong thôn.

- Nội dung Hội nghị:

1. Ông (bà).....(Trưởng Ban công tác mặt trận thôn) thông qua Báo cáo kết quả xây dựng NTM thôn

2. Ý kiến tham gia vào Báo cáo kết quả xây dựng NTM của đại diện các hộ gia đình trong thôn.

+

.....

3. Ban công tác mặt trận thôn thực hiện các thủ tục lấy ý kiến thống nhất của đại diện các hộ gia đình trong thôn về việc đề nghị xét, công nhận thôn ... đạt chuẩn NTM năm (bằng hình thức biểu quyết hoặc lấy phiếu, nếu thực hiện theo hình thức lấy phiếu phải ghi rõ thành phần và hoạt động của tổ kiểm phiếu).

Kết quả lấy ý kiến:

+ Ý kiến thống nhất: người (phiếu), chiếm%.

+ Ý kiến không thống nhất:người (phiếu), chiếm%.

4. Các ý kiến tham gia khác của đại diện các hộ dân: (mời các đại biểu có ý kiến không thống nhất nêu lý do không thống nhất).

5. Thư ký hoàn thiện và thông qua Biên bản tại Hội nghị.

Hội nghị kết thúc hồi.....giờ.....phút cùng ngày. Các đại biểu tham dự đã thống nhất nội dung biên bản và lập thành 02 bản có giá trị như nhau, 01 bản lưu tại thôn, 01 bản gửi kèm hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn ... đạt chuẩn NTM năm

....., ngày.....tháng.....năm.....

Thư ký
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ trì
(ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 10
 BCĐ CHƯƠNG TRÌNH
 XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
 XÃ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN

Họp đề nghị xét, công nhận thôn
 đạt chuẩn nông thôn mới năm

Căn cứ Quyết định số/2017/QĐ-UBND ngày/.../2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định về tiêu chí, trình tự thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố thôn, bản đạt chuẩn NTM trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND huyện);

Căn cứ Biên bản thẩm tra các tiêu chí NTM trên địa bàn thôn của Đoàn thẩm tra tiêu chí thôn NTM;

Căn cứ đề nghị của Ban Phát triển nông thôn mới thôn Về việc đề nghị thẩm tra các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn

Hôm nay, vào hồi giờ phút ngày/...../..... tại, UBND xã (huyện, tỉnh) tổ chức họp đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;
- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác;
-
- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. Tổ thẩm tra tiêu chí thôn nông thôn mới xã... báo cáo kết quả thẩm tra các tiêu chí NTM trên địa bàn thôn

2. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn thôn....

-

-

3. Kết quả bỏ phiếu: số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị thẩm định, xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới năm là/tổng số thành viên tham dự cuộc họp, đạt%.

Biên bản kết thúc hồi giờ phút ngày/...../....., đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí%.

Biên bản này được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND xã lưu bản; để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới gửi UBND huyện bản./

THƯ KÝ CUỘC HỌP
 (Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP
 (Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 11
 BCD CHƯƠNG TRÌNH
 XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
 HUYỆN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN

Họp xét, đề nghị công nhận thôn
 đạt chuẩn nông thôn mới năm

Căn cứ Quyết định số .../2017/QĐ-UBND ngày .../.../2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định về tiêu chí, trình tự thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố thôn, bản đạt chuẩn NTM trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND huyện);

Căn cứ báo cáo thẩm định hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí thôn, bản nông thôn mới

Căn Cứ đề nghị của UBND xãtại Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ...về việc thẩm định, xét, công nhận thôn ... đạt chuẩn NTM năm ...,

Hôm nay, vào hồi giờ phút ngày .../.../..... tại, UBND huyện (tỉnh) tổ chức họp xét, đề nghị công nhận thônđạt chuẩn nông thôn mới, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;
- Ông (bà):- Chức vụ, đơn vị công tác;
-
- Ông (bà):- Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. Đoàn thẩm định, công nhận tiêu chí thôn nông thôn mới huyện báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho thôn.....

2. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về kết quả thẩm định hồ sơ và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho thôn.....

-

-

3. Kết quả bỏ phiếu: số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới năm là/tổng số thành viên tham dự cuộc họp, đạt%.

Biên bản kết thúc hồi giờ phút ngày .../.../....., đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí%.

Biên bản này được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND huyện lưu bản; để làm hồ sơ đề nghị công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới trình Chủ tịch UBND huyện bản./.

THƯ KÝ CUỘC HỌP

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)